



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn – Quận Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: (043) 8641212 Fax: (043) 8642249

Website: www.pgas.petrolimex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP.**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101447725
- Vốn điều lệ: 502.875.030.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 20, Tòa nhà Mipec, 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại: (04)38 641 212, (04)38 642 243,
- Số fax: (04)38 642 249; (04)36 641 197
- Website: www.pgas.petrolimex.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): PGC

2. Quá trình hình thành và phát triển

▪ Việc thành lập :

Giai đoạn từ năm 1998 trở về trước, các Công ty xăng dầu trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đều hoạt động kinh doanh Gas thông qua các Xi nghiệp Gas trực thuộc. Từ năm 1999 trở đi, nền kinh tế đất nước phát triển mạnh, nhu cầu sử dụng Gas trong công nghiệp và dân dụng tăng mạnh và trên thị trường đã hình thành ngành kinh doanh Gas độc lập với tốc độ tăng trưởng của thị trường khá cao; Trước tình hình đó, Tổng công ty xăng dầu Việt Nam đã quyết định tách bộ phận kinh doanh Gas thành đơn vị kinh doanh độc lập để chuyên doanh mặt hàng này nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trong toàn công ty; theo đó ngày 25/12/1998, Bộ trưởng Bộ Thương Mại đã ký quyết định số 1653/QĐ-BTM thành lập Công ty Gas Petrolimex trực thuộc Tổng công ty xăng dầu Việt Nam. Công ty Gas là doanh nghiệp Nhà nước có tư cách pháp nhân, thực hiện hạch toán độc lập, có con dấu riêng, có tài khoản tiền Việt Nam và tài khoản ngoại tệ tại ngân hàng.

▪ Chuyển đổi sở hữu thành Công ty cổ phần;

Ngày 03/12/2003, Bộ trưởng Bộ Thương mại đã ký quyết định số 1669/2003/QĐ-BTM về việc chuyển Công ty Gas thành Công ty cổ phần Gas Petrolimex. Giấy phép kinh doanh số 0103003549 đăng ký lần đầu ngày 14/01/2004 do Sở kế hoạch đầu tư

Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ ban đầu là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

▪ **Niêm yết:**

Ngày 24/11/2006, Công ty cổ phần Gas Petrolimex chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP HCM (Nay là Sở giao dịch chứng khoán TP HCM) theo quyết định số 65/GPNY-UBCK ngày 20/10/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp, mã chứng khoán là PGC với 20.000.000 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần được niêm yết. Năm 2007, Công ty đã phát hành và niêm yết thành công 5.000.000 cổ phần tương ứng với 50 tỷ đồng mệnh giá cổ phiếu 10.000 đ/cổ phần. Năm 2009, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 1.499.823 cổ phần tương ứng với 14.998.230.000 đồng. Năm 2011, Công ty đã phát hành tăng vốn và niêm yết thành công 9,746,876 cổ phần tương ứng với 97,468,760,000 đồng. Năm 2013 Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 344,446 tỷ đồng lên 502,875 tỷ. Tại thời điểm 31/12/2013 của Tổng công ty là 502.875.030.000 đồng.

▪ **Các sự kiện khác :**

Năm 2000-2001: Xây dựng hệ thống kho tồn chứa, cung cấp LPG với sức chứa của 02 bồn cầu: 1.000 tấn và hệ thống công nghệ nhà đóng bình Gas, hệ thống PCCC tự động với vốn đầu tư: 80 tỷ đồng tại kho gas Nhà Bè - Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TP HCM.

Năm 2001 -2002: Đầu tư mở rộng xây dựng hệ thống kho tồn chứa, cung cấp LPG với sức chứa 01 bồn cầu: 1.000 tấn và hệ thống công nghệ với vốn đầu tư: 23 tỷ đồng tại kho gas Nhà Bè - Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TP HCM.

Năm 2005: Tái cấu trúc các Chi nhánh Gas trực thuộc tại Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn, Cần Thơ thành các Công ty TNHH một thành viên. Công ty góp vốn thành lập Công ty TNHH Taxi Gas Petrolimex (4 thành viên góp vốn) với vốn điều lệ 66 tỷ đồng và góp vốn vào Công ty TNHH cơ khí Gas PMG (2 thành viên góp vốn) với vốn điều lệ 22 tỷ đồng.

Năm 2006: Tiếp nhận bàn giao 9 Trạm chiết nạp Gas trực thuộc các Công ty xăng dầu: B12 Quảng Ninh, Phú Thọ, Hà Nam Ninh, Quảng Bình, Nghệ Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Phú Khánh, Tiền Giang, Vũng Tàu để công ty trực tiếp kinh doanh và mở rộng kênh phân phối. Đồng thời công ty lập dự án để triển khai đầu tư hệ thống kho LPG tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng và dự án kho LPG tại Đà Nẵng với Tổng dự toán của hai dự án này khoảng 200 tỷ đồng.

Năm 2007: Thực hiện triển khai thi công hệ thống kho LPG tại Khu công nghiệp Đình Vũ - Hải Phòng với vốn đầu tư 115 tỷ đồng. Quý 4/2007, Công ty phối hợp với các công ty thành viên đã chỉ đạo triển khai việc tái cấu trúc Công ty TNHH Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex chuyển sang Công ty cổ phần, vốn góp của công ty đến thời điểm 31/12/2007: 20,28 tỷ đồng (thời điểm 31/12/2012: 20,38 tỷ đồng) chiếm 23% vốn điều lệ.

Tháng 10 năm 2008, Công trình kho Gas Đình Vũ hoàn thành đưa vào sử dụng với Tổng sức chứa 3.000 tấn Gas.

Từ 01/01/2009, Ban lãnh đạo công ty đã chỉ đạo triển khai việc tái cấu trúc chuyển các kho dầu mỡ và các chi nhánh Gas trực thuộc Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn, Hải Phòng về Công ty trực tiếp quản lý điều hành.

Từ 01/04/2009, Công ty tiếp tục chuyển kho dầu mỡ từ các Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng và Cần Thơ về Công ty quản lý: Kho Gas Nại Hiên (Đà Nẵng), Kho gas Trà Nóc (Cần Thơ).

Từ 01/09/2009, Công ty đã đầu tư mua 1.900 m² cao ốc văn phòng tại mặt đường Tây Sơn, Hà Nội.

Ngày 01/06/2009, Công ty thành lập chi nhánh gas Petrolimex tại Lào Cai.

Ngày 01/11/2009, Công ty thành lập Chi nhánh gas Petrolimex tại Hà Nội và chuyển các cửa hàng trực thuộc Công ty tại Hà Nội sang Chi nhánh gas petrolimex tại Hà Nội.

Tháng 6/2010 Công ty góp vốn thành lập công ty TNHH đầu tư thương mại PLG (công ty 2 thành viên) có vốn Điều lệ 10 tỷ đồng, Công ty góp 50% vốn Điều lệ.

Tháng 03/2011, hoàn thành dự án và đưa vào khai thác toà nhà 322 Điện Biên Phủ, TP Hồ Chí minh.

Tháng 11/2011, công ty đã hoàn thành dự án mở rộng sức chứa kho gas Trà nóc Cần Thơ và đưa vào sử dụng.

Ngày 05/02/2013, thực hiện đề án tái cấu trúc, công ty đổi tên thành Tổng công ty gas Petrolimex – CTCP.

Ngày 01/04/2013, thành lập công ty TNHH gas Petrolimex Hà Nội và các Chi nhánh sau:

- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Hải Phòng
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Sài Gòn
- Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP – Nhà máy LPG Cần Thơ

3. *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*

- *Ngành nghề kinh doanh:*

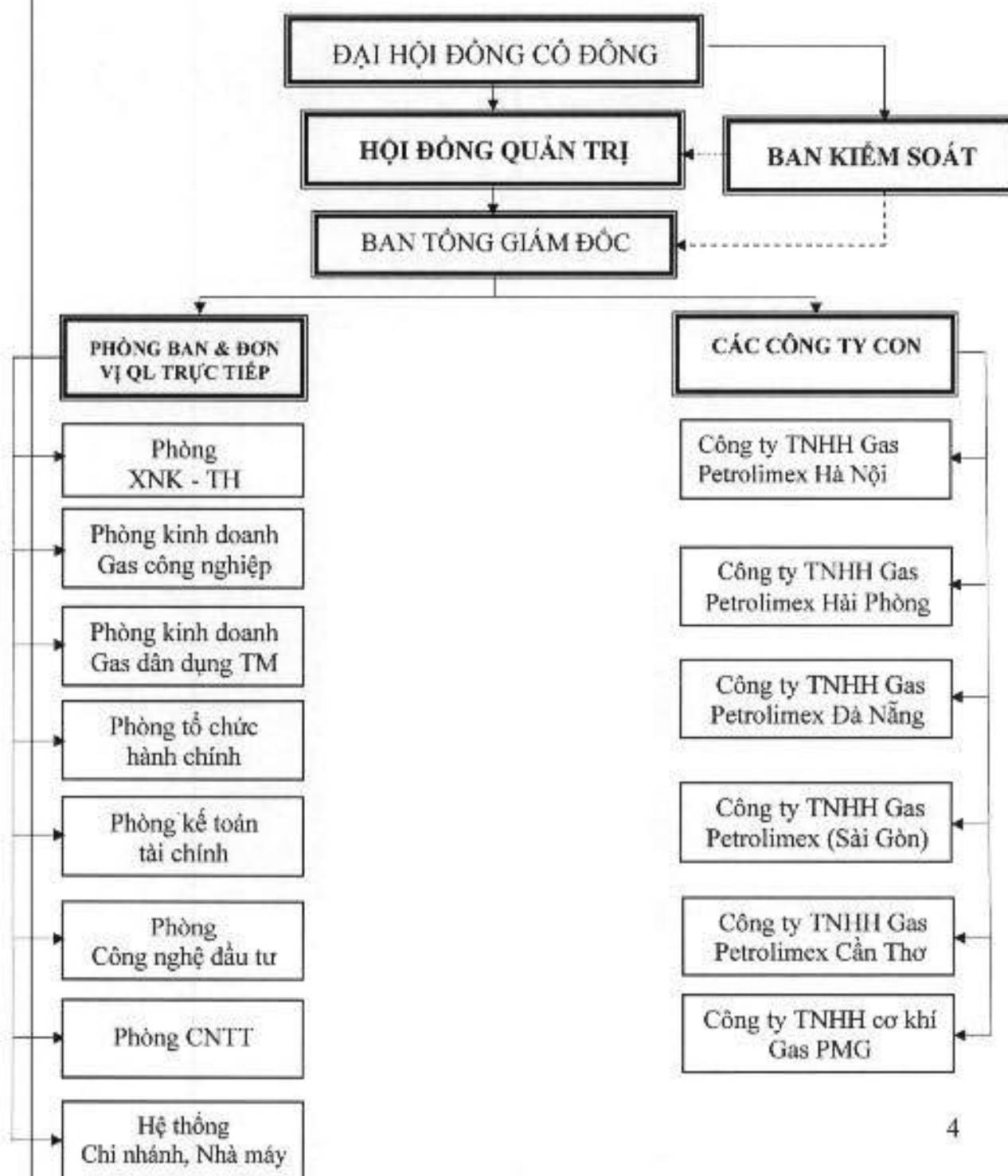
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện;
- Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng theo qui định của pháp luật;
- Kiểm định, bảo dưỡng các loại vỏ bình gas.
- Dịch vụ thương mại;

- Kinh doanh địa ốc và bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất)

Hoạt động kinh doanh Gas là hoạt động chủ yếu của công ty. Doanh thu từ hoạt động này chiếm trên 90% doanh thu của công ty. Công ty hoạt động kinh doanh trên toàn quốc với hệ thống các Công ty con 100% vốn và các chi nhánh, cửa hàng trực thuộc. Công ty cũng cung cấp ra thị trường các thiết bị và phụ kiện được sử dụng với LPG như bình Gas, van bình, bồn chứa Gas.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Cơ cấu tổ chức bộ máy:



Các công ty con, công ty liên kết:

➤ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội.**

- Địa chỉ : Tầng 20 Tòa nhà MIPEC - Số 229 Tây Sơn, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP.Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **10.000.000.000 VND** (Mười tỷ)
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.

➤ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng.**

- Địa chỉ : Tầng 4 toà nhà TD Business Center, Lô 20A đường Lê Hồng Phong , P.Đông Khê, Q. Ngô Quyền, TP Hải Phòng
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **22.000.000.000 VND** (Hai hai tỷ)
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.

➤ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng.**

- Địa chỉ : Số 122 Đường 2 tháng 9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **20.500.000.000 VND** (Hai mươi tỷ rưỡi)
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.

➤ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn.**

- Địa chỉ : Số 322 Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **57.000.000.000 VND** (Năm bảy tỷ)
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.

➤ **Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ.**

- Địa chỉ : Số 110 Đường CMT8 - TP Cần Thơ
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xuất nhập khẩu và kinh doanh khí dầu mỏ hoá lỏng;
- Vốn điều lệ thực góp: **11.000.000.000 VND** (Mười một tỷ)
- Tỷ lệ sở hữu: 100%.

➤ **Công ty TNHH Cơ Khí gas PMG.**

- Địa chỉ : Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, TT Nhà bè, Huyện Nhà Bè, TP. HCM.
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng bình gas.
- Vốn điều lệ thực góp: **22.524.919.267**
- Tỷ lệ sở hữu: 51%.

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty.

➤ Phân đầu tốc độ tăng trưởng sản lượng gas bình quân hàng năm từ 5% - 7% và nếu có thể cao hơn khi có cơ hội. Lợi nhuận tăng trưởng một cách bền vững đảm bảo mức chi trả cổ tức cho Cổ đông và có lợi nhuận tích lũy để tái đầu tư phát triển.

➤ Tiếp tục củng cố và nâng cao hiệu quả kinh doanh hoặc tái cấu trúc lại công ty tại các đơn vị mà Tổng công ty đã đầu tư liên doanh liên kết. Tìm kiếm lợi nhuận và phát triển loại hình kinh doanh mới mà trước mắt là tận dụng lợi thế sẵn có của Tổng công ty để phát triển loại hình kinh doanh này.

➤ Phân đầu xây dựng cơ cấu tài chính hợp lý, an toàn và hiệu quả hơn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

➤ Chiến lược thị trường:

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay của nước ta, việc hội nhập với thế giới ngày càng cần thiết, đa dạng và tất yếu, chính vì vậy công ty nhận định việc mở rộng thị trường là điều kiện cần thiết để phát triển doanh nghiệp. Trong những năm tới Tổng công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực sản xuất, đầu tư hệ thống kho tồn chứa và phân phối tại các Cảng, kho đầu mối, nâng cao năng lực quản trị hàng dự trữ, củng cố khách hàng truyền thống và phát triển khách hàng mới, phân tích và tìm kiếm vùng thị trường còn trống. Duy trì định hướng phát triển Tổng công ty theo nhiều phân khúc thị trường mới để tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh của tổng công ty sau này.

Chiến lược phân phối:

Đặc thù kinh doanh của công ty chủ yếu là lĩnh vực thương mại nên việc tiếp tục hoàn thiện và phát triển đa dạng các kênh phân phối tại các vùng thị trường trọng điểm cũng như kênh phân phối được thiết lập tại hầu hết các Tỉnh, Thành phố trong cả nước. Công ty xác định Gas là sản phẩm đặc thù cần đảm bảo an toàn trong khai thác, vận chuyển và sử dụng. Chính vì vậy, ngoài việc bán hàng đơn thuần, Tổng công ty gắn công tác dịch vụ kỹ thuật và công tác dịch vụ sau bán hàng để khẳng định Gas Petrolimex chính là sự lựa chọn tin cậy của khách hàng.

➤ Chiến lược giá:

Thị trường khí dầu mỏ hoá lỏng tại Việt Nam trong vài năm trở lại đây là một trong những lĩnh vực cạnh tranh ngày càng gay gắt trong đó bao gồm cả cạnh tranh về giá. Mặc dù vậy, chiến lược giá của Tổng công ty luôn xác định mức giá phù hợp với thị trường trên cơ sở khả năng tài chính của Tổng công ty để cùng một số Hãng Gas lớn khác bình ổn thị trường nhằm đảm bảo hài hoà các lợi ích giữa Người tiêu dùng và Nhà phân phối.

➤ Chiến lược nguồn nhân lực:

Nhân tố con người là nguồn lực tài chính vô hình góp phần quan trọng trong việc quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Do đó công tác quản trị

nguồn nhân lực của Tổng công ty tập trung vào:

- Phát triển nguồn nhân lực trẻ thông qua kế hoạch tuyển dụng và đào tạo nhằm tạo ra động lực phát triển, từng bước kế thừa và tiếp thu những kinh nghiệm từ đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm.
- Thường xuyên đào tạo để nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ nhân viên, cán bộ quản lý.
- Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, tiền lương, tiền thưởng hợp lý nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động cũng như tạo ra môi trường thuận lợi để mỗi cán bộ công nhân viên tự khẳng định mình.
- Tạo điều kiện để mọi người lao động trong Tổng công ty đều có cơ hội sở hữu cổ phần của đơn vị nhằm phát huy tinh thần làm chủ, gắn bó thực sự lâu dài với Tổng công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Kết quả kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty năm 2013:

Số TT	Chi tiêu	ĐVT	KH 2013	TH 2012	TH 2013	So sánh (%)	
						Cùng kỳ 2012	KH 2013
1	Vốn điều lệ	Triệu đ	502.875	344.467	502.875	145,99%	100,00%
2	Tổng doanh thu thuần hợp nhất	Triệu đ	2.971.847	3.264.969	3.125.939	95,74%	105,19%
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Triệu đ	85.000	99.982	106.803	106,82%	125,65%
4	LNST(lợi ích CB của Tổng cty)	Triệu đ	64.585	76.072	77.803	102,27%	120,47%
5	LNST của công ty mẹ	Triệu đ	64.585	76.994	77.100	100,14%	119,38%
6	Tỷ suất LNST/Cty mẹ/VĐL BQ	%	12,84%	22,35%	16,64%	74,46%	129,58%
7	Tỷ lệ Cổ tức/vốn góp	%	12%	12%	DK12%	100,00%	100,00%
9	Lao động BQ	Người	956	942	950	100,85%	99,37%

(Theo báo cáo TC hợp nhất và báo cáo tài chính công ty mẹ đã kiểm toán năm 2013)

Tổng lợi nhuận sau thuế hợp nhất (lợi ích cổ đông của Tổng công ty) năm 2013: 77,803 tỷ đồng, bằng 119,38% kế hoạch và bằng 100,14% so với năm 2012; Trong đó: Lợi nhuận sau thuế năm 2013 của Khối chuyên doanh Gas: 76,919 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 98,87% so với Tổng lợi nhuận hợp nhất. Cùng với quá trình tái cấu trúc, Tổng công ty tập trung mọi nguồn lực vào ngành nghề kinh doanh chính và từng bước thoái vốn đầu tư ra bên ngoài đối với các đơn vị ngoài ngành kinh doanh hiệu quả thấp.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

1) Họ và tên: Trần Văn Thanh

- Chức vụ hiện tại: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/5/1955
- Nơi sinh: Quảng Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Văn, Quảng Trạch, Quảng Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 20 ngõ 71 phố Láng Hạ, Thành Công, HN
- Điện thoại liên lạc: 04.8642246
- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - DH KTQD

- Quá trình công tác:

09/1981-02/1989 : CV phòng Kinh doanh, Tổng Công ty Xăng dầu VN

03/1989-03/1990 : Phó trưởng phòng Kinh doanh, Tổng Công ty XDVN

04/1990-12/1993: Trưởng P. Kinh doanh, Công ty Xăng dầu khu vực I

01/1994-01/1999: Phó Giám đốc Công ty Xăng dầu khu vực I, giám đốc Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu HN

01/1999-12/2003: Giám đốc Công ty Gas

01/2004 - nay: UV HĐQT, Tổng Giám đốc TCT Gas Petrolimex - CTCP.

- Số cổ phần nắm giữ: 853

2) Họ và tên: Vũ Hồng Khánh

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Gas Petrolimex - CTCP.

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 28/8/1961

- Nơi sinh: Nam Định

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Quê quán: Phương Định, Nam Ninh, Nam Định

- Địa chỉ thường trú: Số 8A tổ 19B P.Láng Thượng, Q.Đống Đa, HN

- Điện thoại liên lạc: 04.8641211

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Đại học TCKT

- Quá trình công tác:

05/1986-09/1990: Chuyên viên kế toán Công ty Vật tư và Thiết bị chuyên dùng

10/1990-03/1997: Chuyên viên Phòng Tài vụ, Tổng Công ty Xăng dầu VN

04/1997-02/1998: Trưởng phòng Kế toán Công ty Xăng dầu Bắc Thái

03/1998-01/1999: Phó phòng Kiểm toán nội bộ, Tổng Cty Xăng dầu VN

02/1999-09/10/2002: Trưởng phòng Kế toán tài chính, Công ty Gas Petrolimex

10/10/2002-12/2003: Kế toán trưởng Công ty Gas Petrolimex

01/2004 - 3/2007: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty CP Gas Petrolimex

04/2007 - Nay: Phó Tổng Giám đốc TCT Gas Petrolimex - CTCP.

- Số cổ phần nắm giữ: 7.270

3) Họ và tên: Phạm Thanh Sơn

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Gas Petrolimex - CTCP.

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/9/1962
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Hải lộc, Hải Hậu, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: TT công ty XD KVI, Đức Giang, HN
- Điện thoại liên lạc: 04.8641212
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế LĐTTL, ĐHKQTĐ
- Quá trình công tác:

10/1987-6/1994: Chuyên viên phòng TCCB-LĐTTL Công ty XDKVI
 7/1994-03/1997: Phó phòng TCHC Xí nghiệp bán lẻ xăng dầu Hà Nội
 04/1997-08/1997: Trưởng phòng TCHC Xí nghiệp DV xăng dầu và cơ khí
 09/1997-12/1998: Phó phòng TCHC Công ty xăng dầu khu vực I
 01/1999-03/2004: Trưởng phòng TCHC Công ty Gas Petrolimex
 04/2004-09/2004: Trưởng phòng TCHC Công ty Cổ phần Gas Petrolimex
 10/2004-04/2005: Giám đốc Chi nhánh Gas Petrolimex Hải Phòng
 05/2005 - 10/2007: Giám đốc Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng
 11/2007 - Nay: Phó Tổng giám đốc TCT Gas Petrolimex - CTCP.

- Số cổ phần nắm giữ: 2

4) Họ và tên: Nguyễn Khắc Tri

- Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc Tổng Cty Gas Petrolimex - CTCP.
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/02/1972
- Nơi sinh: Ân Thi, Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán: Ân Thi, Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: Số 9/14/104 Đào Tấn, Q. Ba Đình, HN
- Điện thoại liên lạc: 04.8641212
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư, ĐH Bách Khoa HN.
- Quá trình công tác:

04/1993-08/1993:	Kỹ sư tổ hoá nghiệm, Công ty XDKV III
08/1993-04/1995:	Phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Xăng dầu khu vực III
08/1994-08/1995:	Phòng Kinh doanh xăng dầu, Công ty Xăng dầu khu vực III
09/1996-08/1996:	Phòng Kinh doanh gas, Công ty Xăng dầu khu vực III
09/1996-02/1997:	Phó trưởng kho gas, Công ty Xăng dầu khu vực III
02/1997-01/1999:	Chuyên viên phòng Kinh doanh gas, Tổng Cty Xăng dầu VN
01/1999-11/2004:	Phó trưởng phòng Quản lý kỹ thuật, Công ty Gas Petrolimex
11/2004-01/2005:	Phó trưởng phòng Công nghệ Đầu tư, Cty CP gas Petrolimex
01/2005-12/2012:	Trưởng phòng Công nghệ Đầu tư, Công ty CP gas Petrolimex
01/2013- nay:	Phó Tổng giám đốc TCT Gas Petrolimex - CTCP.

- Số cổ phần nắm giữ: 30.904

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

Tổng số lao động của Tổng Công ty (bao gồm cả công ty con 100% vốn góp) đến thời điểm 31/12/2013 là 950 lao động, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Trên đại học	16	1.7
Đại học và Cao đẳng	432	45.5
Trung cấp	135	14.2
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	348	36.6
Phổ thông	19	2.0
Tổng	950	100

▪ Chính sách đào tạo.

Tổng công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- ✓ Đối với lao động trực tiếp: Tổng công ty thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Tổng công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.
- ✓ Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Tổng công ty luôn tạo điều kiện cho tham gia học cả trong và ngoài nước về các ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu

cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước... Những cán bộ công nhân viên do Tổng công ty cử đi học được thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập.

▪ **Chính sách lương, thưởng.**

Tổng công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Tổng công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào tổng quỹ lương (theo quy định của nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu, hệ số điều chỉnh theo vùng), sản lượng bán hàng số và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Tổng công ty.

Sau khi cổ phần hoá, Tổng công ty đã xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Kết quả, cho thấy chính sách lương mới phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Tổng công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Tổng công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc, Tổng công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

HDQT đã thường xuyên giám sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư trọng điểm đã được phê duyệt để đảm bảo có thể đưa vào khai thác và phát huy hiệu quả trong thời gian sớm nhất:

Dự án kho LPG Thọ Quang-Đà Nẵng: đến 31/12/2013 đã hoàn thành 90% khối lượng xây lắp; dự kiến đưa công trình vào vận hành cuối quý I/2014.

Trong năm 2013, công tác đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật đã rất được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao năng lực sản xuất tại các nhà máy, nâng cao chất lượng vỏ bình; đầu tư nâng cao năng lực vận tải,... đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, khách hàng, góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Tổng công ty, gia tăng sản lượng, thị phần.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.039.218.427.464	1.508.558.373.547	35%
Doanh thu thuần	3.125.939.138.642	3.264.969.242.428	-4%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.218.321.056	94.784.906.383	7%
Lợi nhuận khác	5.269.970.963	5.144.525.704	2%
Lợi nhuận từ HĐ liên doanh, liên kết	314.841.589	52.958.149	495%
Lợi nhuận trước thuế	106.803.133.608	99.982.390.236	7%
Lợi nhuận sau thuế	79.136.000.395	78.372.751.050	1%
- LNST của cổ đông thiểu số	1.333.475.262	2.300.821.631	-42%
- LNST của cổ đông của công ty	77.802.525.133	76.071.929.419	2%
Tỷ lệ trả cổ tức	Dự kiến 12%/vốn điều lệ	12%/vốn điều lệ	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,13	1,17
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	1,01	0,93
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,67	0,59
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,05	1,46
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	18,52	17,93
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,53	2,16
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,02
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,13
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,04	0,05
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	0,03	0,03

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số CP phát hành: 50.287.503 cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ: 3.353 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu tỷ lệ sở hữu

DVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Cổ đông sáng lập	263.369.160	52,37%		0,00%	263.369.160	52,37%
CĐ sở hữu trên 5% CP	263.369.160	52,37%		0,00%	263.369.160	52,37%
CĐ sở hữu từ 1% đến 5% CP	57.059.360	11,35%	17.646.230	3,51%	74.705.590	14,86%
CĐ sở hữu dưới 1% CP	154.455.550	30,71%	10.344.730	2,06%	164.800.280	32,77%

Cơ cấu vốn cổ đông

DVT: 1.000 VNĐ

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	263.369.160	52,37%			263.369.160	52,37%
2. Cổ đông nội bộ:	416.070	0.084%			416.070	0,08%
Cổ đông HĐQT	8.530	0,00%			8.530	0,00%
Ban giám đốc	390.290	0,08%			390.290	0,08%
Ban kiểm soát	25.780	0,01%			25.780	0,01%
Kế toán trưởng	0	0,00%			-	0,00%
3. Cổ đông trong công ty:	33.530	0,01%			33.530	0,01%
Cổ phiếu Quỹ	33.530	0,01%			33.530	0,01%
Cán bộ công nhân viên						
4. Cổ đông ngoài công ty	211.073.840	41,97%	27.990.960	5,57%	239.064.800	47,54%
Cá nhân	136.474.990	27,14%	7.127.440	1,42%	143.602.430	28,56%
Tổ chức	74.598.850	14,83%	20.863.520	4,15%	95.462.370	18,98%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Ngày 08/02/2013 Tổng công ty Gas Petrolimex thực hiện tăng vốn lên 502.875.030.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1) Công tác nguồn hàng, tổ chức kinh doanh và phát triển thị trường.

Đánh giá chung, công tác nguồn hàng năm 2013 đã được tổ chức tốt, đảm bảo chân hàng, đáp ứng ổn định nhu cầu kinh doanh của toàn Tổng công ty. Tổng công ty đã làm tốt công tác dự báo, bám sát diễn biến giá CP, duy trì tỷ lệ mua hàng hợp lý, phối hợp chặt chẽ với nhà cung cấp để có được sự linh hoạt tối đa trong thực hiện kế hoạch hàng hóa.

Trong công tác tổ chức bán hàng, xuất phát từ phân tích và đánh giá môi trường kinh doanh chung của cả năm 2013 cũng như qua từng thời kỳ cụ thể, Tcty đã triển khai nhiều chính sách phù hợp với thị trường và từng loại sản phẩm. Đối với gas rời, Tcty ưu tiên lựa chọn khách hàng theo tiêu thức an toàn tài chính-hiệu quả kinh doanh. Trong công tác chỉ đạo kinh doanh kinh doanh gas bình, Tcty đã định hướng tập trung vào các mặt công tác cụ thể như sau:

Đối với kênh bán và thị trường: Tổng công ty chủ trương phát triển đồng đều cả ba kênh: kênh bán trực tiếp, kênh tổng đại lý thành viên, kênh đại lý ngoài ngành. Đối với từng kênh Tcty đã có các chính sách phù hợp để tiếp tục phát huy đà tăng trưởng của kênh thành viên từ năm 2012, sức lại kênh bán trực tiếp do có dấu hiệu chững lại (với chính sách khoán bán hàng, cơ cấu lại hệ thống bán hàng, sát nhập, giải thể...), mở rộng mạng lưới phân phối qua hệ thống đại lý ngoài ngành.

Về chính sách sản phẩm: Theo dõi chặt chẽ chính sách chuyển đổi định lượng, kết quả cho thấy mặt hàng gas bình 12 van đúng bước đầu đã có sự tăng trưởng trở lại. Điều này thể hiện chính sách của Tổng công ty áp dụng đối với mặt hàng này là đang đi đúng hướng và phát huy kết quả tốt. Tcty tiếp tục triển khai sản phẩm mới (bình 12 tay cam Φ21) tại khu vực phía Nam với kết quả khá tích cực cả về mặt thị trường và hiệu quả kinh tế. Trong năm 2014, Tổng công ty sẽ cân đối cho PGC Sài Gòn tiếp tục triển khai bổ sung bình 12 tay cam nếu còn vỏ 12 van đúng đối dư.

Công tác vỏ bình: Có thể nói năm 2013 là năm Tcty đã triển khai mạnh mẽ với nhiều biện pháp đối với vỏ bình (đập mã vùng, điều chuyển linh hoạt vỏ bình mới giữa các khu vực, thực hiện chuyển đổi gần 12.000 vỏ bình van đứng sang van ngang để tăng cường đưa vỏ bình tồn đọng vào lưu thông,...), nhờ đó giảm đáng kể lượng vỏ mua mới (tổng lượng vỏ nhập mua mới chỉ bằng 56% so với lượng mua mới năm 2012), tiết kiệm vốn đầu tư cho vỏ bình góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo tiền đề cho việc nâng cao chất lượng công tác quản lý vỏ bình sau này.

Về công tác thương hiệu: Tổng công ty đã triển khai thống nhất một số nội dung liên quan đến sản phẩm gas Petrolimex như tờ rơi, sổ theo dõi bảo hiểm, tem nhãn hàng hoá, clip quảng cáo - tài liệu, website theo các hình ảnh nhận diện của Tập đoàn... Hình ảnh thống nhất về nhận diện Gas Petrolimex đã dần được hình thành rõ nét, gắn chặt với nhận diện thương hiệu của Tập đoàn xăng dầu Việt nam.

2) Công tác quản lý và sử dụng vốn

Năm 2013 Tổng công ty vẫn tiếp tục tìm mọi giải pháp để thoái vốn tại Công ty cổ phần taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tuy nhiên do điều kiện thị trường chưa thuận lợi, các doanh nghiệp cùng ngành Taxi đang gặp nhiều khó khăn nên Tổng công ty chưa thoái vốn được cần phải tiếp tục triển khai năm 2014.

Kết thúc năm tài chính 2013, tổng tài sản của Tổng công ty đạt: 2.039 tỷ đồng; trong đó: Tài sản lưu động: 1.362 tỷ đồng, chiếm: 66,8% tổng tài sản; Tài sản cố định và đầu tư dài hạn: 677 tỷ đồng, chiếm 33,2% tổng tài sản.

Trước những diễn biến khó khăn chung của nền kinh tế đẩy chi phí vốn của các doanh nghiệp tăng mạnh, Tổng công ty luôn trú trọng trong công tác quản lý, sử dụng vốn trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn. Tổng công ty đã sử dụng linh hoạt các công cụ tài chính, uyển chuyển trong sử dụng vốn vay và tận dụng tối đa lợi thế của Tổng công ty về cơ cấu tài sản và nguồn vốn; về việc luân chuyển dòng tiền để gia tăng lợi nhuận; đồng thời uyển chuyển trong việc thay đổi cơ cấu nguồn hàng nội và hàng ngoại để giảm chi phí vốn trong sự cách biệt giữa lãi suất giữa đồng tiền nội và đồng tiền ngoại....., đảm bảo cơ sở hàng dự trữ hợp lý để giải phóng vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

Công tác quản lý dòng tiền tiếp tục được hoàn thiện trong việc quản lý theo hình thức quản lý tập trung vốn tại Tổng công ty từ dòng tiền tại các cửa hàng, chi nhánh trực thuộc công ty con 100% vốn tới các công ty con 100% vốn theo hình thức chuyên thu và chuyển tiền tự động trực tuyến hàng ngày để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Trong công tác quản lý công nợ phải thu khách hàng, Tổng công ty đã dùng các biện pháp mạnh cần thiết để thu hồi vốn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị Tổng công ty Gas Petrolimex – CTCP năm 2013 bao gồm các ông, bà có tên dưới đây:

1.	Ông	Trịnh Quang Vinh	-	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông	Trần Văn Thanh	-	Ủy viên HĐQT
3.	Ông	Nguyễn Quang Dũng	-	Ủy viên HĐQT
4.	Ông	Nguyễn Văn Lăng	-	Ủy viên HĐQT
5.	Bà	Nguyễn Thanh Huyền	-	Ủy viên HĐQT

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Gas Petrolimex, trong năm hoạt động 2013 HĐQT đã thực hiện được 02 phiên họp tập trung và 02 phiên họp qua trao đổi trực tuyến với sự tham gia của Ban kiểm soát Tổng công ty. Tại mỗi phiên họp, trên cơ sở báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và các giải pháp kinh doanh của từng giai đoạn trong năm kế hoạch do Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày, HĐQT đã đi sâu phân tích tình hình kinh doanh cùng các giải pháp đề xuất cụ thể để có các chỉ đạo với ban điều hành thông qua hình thức chỉ đạo trực tiếp tại mỗi cuộc họp và/hoặc Nghị quyết sau mỗi cuộc họp với các nội dung chính được tóm tắt như sau:

- Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

Sau khi thực hiện đánh giá kỹ các nhân tố kinh tế, xã hội ảnh hưởng tới công tác tổ chức kinh doanh và những nỗ lực, phấn đấu cũng như kết quả đạt được trong năm 2013; kết hợp với những nhận định, đánh giá các nhân tố thuận lợi, khó khăn có tác động đến công tác kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2012 và căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 đã được Đại hội Đồng cổ đông năm 2013 thông qua, Hội đồng quản trị đã thực hiện giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Công ty mẹ và các công ty TNHH Gas Petrolimex trực thuộc để triển khai thực hiện. Với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao, ngay sau khi thực hiện giao kế hoạch chi tiết cho các đơn vị, HĐQT Tổng công ty liên tục giám sát quá trình triển khai thực hiện của toàn Tổng công ty. Tại từng phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo của Tổng giám đốc, HĐQT đã phân tích, đánh giá và đưa ra những nhận định, chỉ đạo kịp thời nhằm đảm bảo hoạt động SXKD bám sát với tình hình thực tế của Tổng công ty và sự biến động của môi trường kinh doanh từ đó có những giải pháp, những chỉ đạo phù hợp trong các giai đoạn tiếp theo. Nhờ đó, kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong năm qua đạt được rất khả quan. Tổng doanh thu đạt 3.126 tỷ đồng, đạt 106% kế hoạch năm; Lợi nhuận đạt 106,8 tỷ đồng, bằng 126% kế hoạch giao; cổ tức tạm chi 12%/vốn điều lệ.

- Công tác tổ chức và đổi mới mô hình hoạt động

Tiếp tục thực hiện định hướng mang tính chiến lược của Tổng công ty về việc tái cấu trúc, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng ưu tiên các nguồn lực để phát triển thị trường, tổ chức quản lý kinh doanh theo hướng thống nhất về mô hình, thuận lợi trong việc tổ chức phát triển thị trường, giảm thiểu cạnh tranh nội bộ.... HĐQT đã chỉ đạo Tổng

công ty tiếp tục rà soát, đánh giá lại mô hình hoạt động, sắp xếp lại mạng lưới bán hàng để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh. Cụ thể:

- Thực hiện giải thể, sát nhập một số cửa hàng, chi nhánh kém hiệu quả để tập trung nguồn lực cho các cửa hàng, trung tâm kinh doanh có hiệu quả hơn;
- Bàn giao lại công tác tổ chức kinh doanh tại một số địa bàn cho các công ty xăng dầu quản lý sau khi đã được củng cố, gia tăng thị phần để nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh doanh, khai thác tốt hơn nữa cơ sở vật chất của Petrolimex;
- Đẩy mạnh công tác phối hợp, hỗ trợ các công ty xăng dầu thành viên của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam để mở rộng mạng lưới kinh doanh, gia tăng thị phần của Tổng công ty; đồng thời khai thác ngày một tốt hơn hệ thống mạng lưới phân phối riêng có của hệ thống Xăng dầu, tạo sự phát triển ổn định và bền vững;
- Tăng cường công tác quản lý hoạt động của các công ty con, các chi nhánh trực thuộc nhằm gia tăng sản lượng xuất bán, gia tăng thị phần và nâng cao hiệu quả kinh doanh;

Thành lập công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội trên cơ sở nâng cấp Chi nhánh Công ty cổ phần Gas Petrolimex tại Hà Nội; Thành lập 05 Chi nhánh Tổng công ty gas Petrolimex-CTCP- Nhà máy LPG tại Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn và Cần Thơ trên cơ sở nâng cấp các kho LPG tại các địa điểm trên.

- Đối với công tác đầu tư cơ sở vật chất ngành hàng:

HĐQT đã thường xuyên giám sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư trọng điểm đã được phê duyệt để đảm bảo có thể đưa vào khai thác và phát huy hiệu quả trong thời gian sớm nhất:

- Dự án kho LPG Thọ Quang-Đà Nẵng: đến 31/12/2013 đã hoàn thành 90% khối lượng xây lắp; dự kiến đưa công trình vào vận hành cuối quý I/2014.
- Trong năm 2013, công tác đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật đã rất được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao năng lực sản xuất tại các nhà máy, nâng cao chất lượng vỏ bình; đầu tư nâng cao năng lực vận tải,... đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, khách hàng, góp phần nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Tổng công ty, gia tăng sản lượng, thị phần.

- Công tác tăng vốn điều lệ:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, ngày 08/02/2013 Tổng công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 344,446 tỷ đồng lên 502,875 tỷ đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu thưởng (36%) và tạm ứng cổ tức bằng cổ phiếu đợt 1/2012 (10%). Vốn điều lệ đến thời điểm 08/02/2013 của Tổng công ty là 502,875 tỷ đồng, tương đương 50.287.503 cổ phần phổ thông. Vốn góp của Tập đoàn xăng dầu Việt Nam chiếm 52,373%, số còn lại được góp bởi các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

- Đánh giá hoạt động quản lý, giám sát năm 2013:
 - Trong năm 2013, HĐQT Tổng công ty đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn diện các hoạt động SXKD của Tổng công ty và việc chấp hành các chế độ chính sách của Đảng và Nhà Nước. Tại các phiên họp của HĐQT, trên cơ sở báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh do Ban điều hành trình bày, HĐQT đã kịp thời

ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các quy định phù hợp với điều kiện vận hành của Tổng công ty trong từng giai đoạn. Thông qua các Nghị quyết, Quyết định HĐQT đã nêu ra các định hướng, giải pháp đúng đắn và kịp thời để chỉ đạo hoạt động của Tổng công ty đảm bảo hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua và giao nhiệm vụ.

- Thường xuyên rà soát việc thực hiện Điều lệ và tổ chức hoạt động của Tổng công ty cũng như các Quy chế quản lý của Tổng công ty đảm bảo sự phù hợp với tình hình phát triển của Tổng công ty. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành các Quy chế đã ban hành; thường xuyên xem xét các kiến nghị của Tổng giám đốc để có những điều chỉnh, bổ xung, sửa đổi cho phù hợp.
- Trong năm 2013, căn cứ vào yêu cầu của công tác quản lý, các điều kiện thay đổi của thị trường từng khu vực, HĐQT đã thực hiện giải thể một số chi nhánh, bàn giao công tác kinh doanh gas sang cho các công ty xăng dầu tại địa bàn thực hiện nhằm sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực và lợi thế của hệ thống phân phối trong ngành; sắp xếp lại công tác quản lý các chi nhánh cho phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường, giảm thiểu việc cạnh tranh nội bộ trong Tổng công ty, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- HĐQT đã luôn bám sát tình hình triển khai các dự án đầu tư lớn, kịp thời ban hành các Nghị quyết điều chỉnh, thay đổi nhằm tạo điều kiện đẩy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư. Các dự án đã triển khai trong năm: dự án kho LPG Thọ Quang; nâng cấp Trạm nạp Phú Thọ; dự án di chuyển và mở rộng kho LPG Đình Vũ; dự án trạm nạp Hà Tĩnh (tại Hà Tĩnh thay thế cho trạm nạp Nghệ An bị buộc phải di chuyển) ,...

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Ghi chú
1	Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch	0 CP	Không điều hành
2	Trần Văn Thanh	UV	853 CP	Điều hành
3	Nguyễn Quang Dũng	UV	0 CP	Không điều hành
4	Nguyễn Văn Lăng	UV	0 CP	Không điều hành
5	Nguyễn Thanh Huyền	UV	0 CP	TV độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: HĐQT không có các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong kỳ HĐQT Tổng công ty đã tổ chức được 04 phiên họp.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	004/PGC-QĐ-HĐQT	10/01/2013	Vv Cử bà Lê Thị Hải làm KSV Cty PGC Cần Thơ
2	005/PGC-QĐ-HĐQT	10/01/2013	Vv Cử Ông Kiều Văn Chiến làm KSV Cty PGC Sài Gòn
3	006/PGC-QĐ-HĐQT	10/01/2013	Vv Cử Bà Đỗ Văn Chi làm KSV PGC Cty Đà Nẵng
4	007/PGC-QĐ-HĐQT	10/01/2013	Vv Ông Phạm Văn Học làm KSV Cty PGC Hải Phòng
5	009/PGC-NQ-HĐQT	16/01/2013	Vv Quyết toán quỹ tiền lương 2012
6	010/PGC-NQ-HĐQT	21/01/2013	Vv Giao kế hoạch SXKD 2013
7	011/PGC-NQ-HĐQT	25/01/2013	Vv Mua thêm đất cho CN Gas Petrolimex Quảng Ninh
8	013/PGC-NQ-HĐQT	29/01/2013	Vv Thuê đất để xây trạm nạp gas cho PGC Hải Phòng
9	022/PGC-NQ-HĐQT	05/02/2013	Vv Mua xe con cho VP Công ty
10	024/PGC-NQ-HĐQT	15/03/2013	Vv Thành lập Cty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội
11	027/PGC-NQ-HĐQT	25/03/2013	Vv Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy theo ĐKKD mới
12	038/PGC-NQ-HĐQT	28/03/2013	Vv Bổ nhiệm Ông Phan Bá Thuật làm CT kiêm GD PGC HN
13	045/PGC-NQ-HĐQT	01/04/2013	Vv Xếp hạng DN đối với Cty TNHH PGC Hà Nội
14	048/PGC-NQ-HĐQT	04/04/2013	Vv Cử cán bộ làm KSV cty PGC Hà Nội
15	059/PGC-NQ-HĐQT	07/05/2013	Vv Phân phối Quỹ tiền thưởng ban điều hành năm 2012
16	060/PGC-NQ-HĐQT	07/05/2013	Vv Cử ông Vũ Hồng Khánh làm đại diện vốn của Tổng công ty Gas Petrolimex tại cty CP taxi gas Sài Gòn
17	062/PGC-NQ-HĐQT	10/05/2013	Vv Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2013 cho PGC Hà Nội
18	064/PGC-NQ-HĐQT	20/05/2013	Vv Phân phối Quỹ phúc lợi, khen thưởng 2013
19	065/PGC-QĐ-HĐQT	14/06/2013	Vv Phê duyệt chỉ định nhà thầu Tư vấn thiết kế kỹ thuật thi công, Lập tổng dự toán công trình: Dự án Di dời trạm Thượng Lý và mở rộng nhà máy LPG Hải Phòng.
20	069/PGC-QĐ-HĐQT	24/06/2013	Vv Điều chỉnh tổng mức đầu tư DA: KhoThọ Quang-Đà Nẵng.
21	070/PGC-NQ-HĐQT	27/06/2013	Vv Sáp nhập đội xe bồn vào phòng KD gas công nghiệp
23	076/PGC-NQ-HĐQT	02/07/2013	Phê duyệt PA xếp lương và điều chỉnh chức danh CB
24	083/PGC-NQ-HĐQT	04/07/2013	Phê duyệt lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2013
25	084/PGC-NQ-HĐQT	04/07/2013	Đồng ý chủ trương mua đất xây VP cho PGC Cần Thơ
26	086/PGC-NQ-HĐQT	09/07/2013	Đồng ý thành lập CN PGC Hải phòng tại Hà Tĩnh
27	088/PGC-NQ-HĐQT	19/07/2013	Giao TGD thẩm định và phê duyệt quyết toán DA 322 DBP
28	089/PGC-NQ-HĐQT	19/07/2013	Giao TGD phê duyệt quyết toán DA trạm chiết nạp gas Bảo Lộc
29	091/PGC-NQ-HĐQT	29/07/2013	Vv Cải tạo sửa chữa tòa nhà 775 Giải phóng, HN
30	093/PGC-NQ-HĐQT	06/08/2013	Vv xếp hạng DN các Cty TNHH gas
31	099/PGC-NQ-HĐQT	14/08/2013	Vv Đồng ý PA sắp xếp lại tổ chức bộ máy PGC Cần Thơ
32	100/PGC-NQ-HĐQT	14/08/2013	Vv Đồng ý PA sắp xếp lại tổ chức bộ máy PGC Hà Nội
33	101/PGC-NQ-HĐQT	23/09/2013	Vv Đồng ý PA lựa chọn địa điểm XD trạm chiết nạp Bình Định
34	102/PGC-NQ-HĐQT	25/10/2013	NQ phiên họp HĐQT ngày 25/10/2013
35	103/PGC-NQ-HĐQT	02/12/2013	Vv Đồng ý chủ trương mua xe con cho VP PGC Hà Nội

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ tên	Chức vụ	Số CP sở hữu
1	Kiểu văn Chiến	Trưởng Ban Kiểm soát Chuyên trách	0 CP
2	Lê Thị Hải	Thành viên Ban Kiểm soát Chuyên trách	17 CP
3	Doãn Duy Đạo	Thành viên Ban Kiểm soát Kiểm nhiệm	2,561 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát Tổng công ty đã thực hiện Kiểm soát Tổng công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, đúng Điều lệ Tổng công ty qui định.

- Ban Kiểm soát tuân thủ quy định tiến hành các cuộc họp thường kỳ hàng quý, ngoài ra còn thường xuyên gặp gỡ, trao đổi để thực hiện công việc trong công tác kiểm soát.

- Ban Kiểm soát đã bám sát các nội dung được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2013. Giám sát tính thực thi nội dung những quyết nghị của Hội đồng Quản trị (HDQT) sau mỗi phiên họp;

- Tham dự 100% các cuộc họp định kỳ của HDQT và đưa ra các ý kiến góp ý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn;

- Tham dự các phiên họp giao ban, họp theo chuyên đề của Ban Điều hành để tham gia ý kiến đối với việc chỉ đạo hoạt động SXKD.

- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, kinh doanh hàng tháng, quý do Ban Điều hành chuẩn bị để kịp thời cập nhật thông tin cho công tác kiểm soát;

- Xem xét và có ý kiến về những vấn đề được đưa ra trong báo cáo của Kiểm toán độc lập, Báo cáo gửi các cơ quan chức năng;

- Thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm tra chuyên đề, đã đánh giá toàn diện tình hình thực hiện KH SXKD năm 2013 và việc triển khai một số chính sách lớn trong công tác kinh doanh như: Công tác hỗ trợ bán hàng, thực hiện cơ chế khoán toàn diện đối với các cửa hàng, chi nhánh, quản lý vô bình, quản lý nguồn hàng, quản lý công nợ... Sau kiểm tra đã có kiến nghị kịp thời với HDQT và Ban Điều hành đối với những vấn đề còn tồn tại, những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, ban kiểm soát.

a) Lương, thù lao:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (1.000 đ)	Thù lao (1.000 đ)	Ghi chú
1	Trịnh Quang Vinh	CT HĐQT	896,129		
2	Trần Văn Thanh	UV HĐQT Tổng giám đốc	766,340	116,246	
3	Nguyễn Văn Lăng	UV HĐQT		116,246	
4	Nguyễn Quang Dũng	UV HĐQT		116,246	
5	Nguyễn Thanh Huyền	UV HĐQT		116,246	
6	Kiều Văn Chiến	Trưởng BKS	559,640		
7	Doãn Duy Đạo	UV BKS		72,654	
8	Lê Thị Hải	UV BKS	328,006		
9	Phạm Thanh Sơn	Phó TGD	559,640		
10	Vũ Hồng Khánh	Phó TGD	559,640		
11	Nguyễn Khắc Trí	Phó TGD	559,640		

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

”Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

(trích dẫn từ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã kiểm toán)

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Đính kèm sau)

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX-CTCP



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Quang Vinh

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 32
PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN	33 - 40



TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Số: 891 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2014, từ trang 04 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃ SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.361.572.766.058	856.306.525.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	362.841.305.783	100.582.502.701
1. Tiền	111		56.341.305.783	40.582.502.701
2. Các khoản tương đương tiền	112		306.500.000.000	60.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	519.561.430.200	233.501.421.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		526.469.433.693	248.497.064.426
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.908.003.493)	(14.995.643.226)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		297.299.896.195	314.223.177.836
1. Phải thu khách hàng	131		281.821.597.256	304.719.348.965
2. Trả trước cho người bán	132		17.645.597.833	5.030.178.034
3. Các khoản phải thu khác	135	7	14.574.559.688	21.382.184.582
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.741.858.582)	(16.908.533.745)
IV. Hàng tồn kho	140	8	145.931.424.206	180.310.944.277
1. Hàng tồn kho	141		153.701.494.677	188.614.566.754
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.770.070.471)	(8.303.622.477)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		35.938.709.674	27.688.479.087
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.131.073.161	1.542.043.691
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.282.007.997	23.270.522.466
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		182.826.535	1.025.781.363
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.342.801.981	1.850.131.567
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		677.645.661.406	652.251.848.446
I. Tài sản cố định	220		358.694.398.091	324.742.218.062
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	284.814.293.359	282.935.235.845
- Nguyên giá	222		545.650.223.464	524.753.160.284
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(260.835.930.105)	(241.817.924.439)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	16.757.087.034	13.275.715.053
- Nguyên giá	228		22.090.252.791	17.300.762.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.333.165.757)	(4.025.047.000)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	57.123.017.698	28.531.267.164
II. Bất động sản đầu tư	240	12	7.524.571.900	16.992.557.560
- Nguyên giá	241		9.043.165.265	18.578.406.397
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.518.593.365)	(1.585.848.837)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.927.800.067	5.764.084.734
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	4.927.800.067	4.612.958.477
2. Đầu tư dài hạn khác	258	15	2.610.000.000	2.761.126.257
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.610.000.000)	(1.610.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		305.498.891.348	304.752.988.090
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	304.582.524.315	303.652.571.583
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		804.477.033	845.626.507
3. Tài sản dài hạn khác	268		111.890.000	254.790.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.039.218.427.464	1.508.558.373.547

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	1.362.096.009.620	889.257.727.808
I. Nợ ngắn hạn	310	1.201.153.648.986	730.379.157.847
1. Vay ngắn hạn	311 17	823.885.637.433	372.603.425.514
2. Phải trả người bán	312	284.329.188.414	253.649.666.054
3. Người mua trả tiền trước	313	5.461.658.434	8.533.649.262
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 18	8.275.180.969	21.793.455.754
5. Phải trả người lao động	315	26.219.089.827	29.946.854.779
6. Chi phí phải trả	316	4.071.359.895	6.757.116.565
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 19	28.490.111.492	22.090.111.690
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320 20	16.589.238.783	11.912.205.298
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	3.832.183.739	3.092.672.931
II. Nợ dài hạn	330	160.942.360.634	158.878.569.961
1. Phải trả dài hạn khác	333 21	160.416.262.906	158.412.266.413
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	32.451.275
3. Doanh thu chưa thực hiện	338	526.097.728	433.852.273
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400	664.151.698.162	607.044.793.310
I. Vốn chủ sở hữu	410 22	664.151.698.162	607.044.793.310
1. Vốn điều lệ	411	502.875.030.000	344.466.990.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	7.302.550.000	76.180.770.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	(49.700.000)	(49.700.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417	61.091.700.833	106.096.040.872
6. Quỹ dự phòng tài chính	418	14.832.174.377	13.919.779.236
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	78.099.942.952	66.430.913.202
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	12.970.719.682	12.255.852.429
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439) 440		2.039.218.427.464	1.508.558.373.547

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	31/12/2013	31/12/2012
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	3.095.500.000	250.000.000

Học
Phạm Văn Học
Người lập biểu

Quang
Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

Thanh
Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu số B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.135.053.445.303	3.276.673.003.353
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		9.114.306.661	11.703.760.925
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	3.125.939.138.642	3.264.969.242.428
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	2.693.764.295.129	2.777.939.121.100
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		432.174.843.513	487.030.121.328
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	39.478.728.915	14.975.383.340
7. Chi phí tài chính	22	27	28.788.646.395	17.110.051.596
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		31.699.491.470	17.822.391.144
8. Chi phí bán hàng	24		240.602.497.794	302.824.840.571
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		101.044.107.183	87.285.706.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		101.218.321.056	94.784.906.383
11. Thu nhập khác	31	28	8.822.868.110	8.797.308.714
12. Chi phí khác	32	29	3.552.897.147	3.652.783.010
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.269.970.963	5.144.525.704
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		314.841.589	52.958.149
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		106.803.133.608	99.982.390.236
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	27.625.983.740	22.455.265.693
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		41.149.474	(845.626.507)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		79.136.000.394	78.372.751.050
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.333.475.262	2.300.821.631
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	62		77.802.525.132	76.071.929.419
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.547	1.513

Học
Phạm Văn Học
Người lập biểu

Quang
Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng

Thanh
Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	106.803.133.608	99.982.390.236
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	30.233.459.375	30.427.355.472
Các khoản dự phòng	03	(8.787.866.902)	5.826.162.216
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	197.168.915	(927.652.959)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(36.604.976.434)	(13.172.979.283)
Chi phí lãi vay	06	31.699.491.470	17.822.391.144
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	123.540.410.032	139.957.666.826
Thay đổi các khoản phải thu	09	25.950.125.382	(15.091.249.904)
Thay đổi hàng tồn kho	10	34.913.072.077	(59.127.908.701)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	12.445.748.680	112.932.567.170
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.805.286.883	(30.191.706.500)
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.264.860.707)	(18.599.155.021)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(32.682.908.154)	(27.400.311.255)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.214.916.930	4.544.901.953
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.071.221.061)	(7.570.366.263)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	127.850.570.062	99.454.438.305
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(69.857.359.566)	(44.743.443.028)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.847.111.576	1.827.881.499
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(846.026.250.000)	(225.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	564.935.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.472.060.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.289.029.908	10.286.139.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(317.340.408.082)	(257.629.422.229)

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Theo phương pháp gián tiếp)**MẪU SỐ B 03-DN/HN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.506.411.321.913	1.676.019.743.392
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.054.662.680.811)	(1.436.961.170.441)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(37.873.077.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	451.748.641.102	201.185.495.051
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	262.258.803.082	43.010.511.127
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	100.582.502.701	57.571.991.574
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	362.841.305.783	100.582.502.701

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 2.863.137.411 đồng (năm 2012: 2.453.414.686 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán; đã bao gồm 12.579.555.126 đồng (năm 2012: 3.253.387.713 đồng) là số tiền ứng trước nhà cung cấp để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

Trong năm, Tổng Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 34.427.240.000 đồng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng không được trình bày trên chỉ tiêu tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông và chi tiêu cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông trong năm.


Phạm Văn Học
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bán giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 3 năm 2013 với số vốn điều lệ 502.875.030.000 đồng.

Tổng Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có 6 công ty con (xem Thuyết minh số 13).

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí đầu mô hóa lỏng vào chai (vô hình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vô hình gas.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 950 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 930 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)**

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và các công ty con cũng như giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Tổng Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2013
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	8 - 10
Dụng cụ quản lý	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng; quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các niên độ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Tổng Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc xác định việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư không có giá tham chiếu này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí đầu mỏ hóa lỏng chai" trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Chi phí quản lý kho

Trong năm 2013, Tổng Công ty thực hiện nâng cấp hệ thống quản lý kho và thay đổi cách hạch toán, theo dõi các chi phí tại kho đầu mối (như chi phí lương, khấu hao tài sản cố định, các chi phí thuê ngoài liên quan đến việc chiết nạp gas) vào giá vốn hàng bán thay vì vào khoản mục chi phí bán hàng như các năm trước. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc hạch toán này phản ánh phù hợp hơn giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và không có thay đổi trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	5.033.167.716	5.958.937.698
Tiền gửi ngân hàng	51.308.138.067	33.328.371.115
Tiền đang chuyển	-	1.295.193.888
Các khoản tương đương tiền (*)	306.500.000.000	60.000.000.000
	362.841.305.783	100.582.502.701

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - TKV	1.119.267	3.120.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	506.091.250.000	225.000.000.000
	526.469.433.693	248.497.064.426
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(6.908.003.493)	(14.995.643.226)
	519.561.430.200	233.501.421.200

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2013 ngày 17 tháng 4 năm 2013, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, không quá 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	19.791.360
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	479.314.089	2.494.762.481
Phải thu ngắn hạn khác	14.095.245.599	18.867.630.741
	14.574.559.688	21.382.184.582

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	803.557.196	1.636.311.000
Nguyên liệu, vật liệu	22.668.741.904	25.664.621.640
Công cụ, dụng cụ	138.268.336	1.804.976.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.814.941.594	1.860.957.990
Thành phẩm	2.430.972.603	1.011.608.246
Hàng hóa	124.845.013.044	156.524.686.531
Hàng gửi đi bán	-	111.405.244
Cộng	153.701.494.677	188.614.566.754
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.770.070.471)	(8.303.622.477)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	145.931.424.206	180.310.944.277

TỔNG CÔNG-TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÃU SỐ B-09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/01/2013

Mua sắm mới

Xây dựng cơ bản hoàn thành

Tăng do phân loại lại từ bất động

sản đầu tư

Thanh lý

Giảm do phân loại lại sang công cụ

dùng cụ (*)

Giảm khác

Tại ngày 31/12/2013

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2013

Khấu hao trong năm

Tăng do phân loại lại từ bất động

sản đầu tư

Thanh lý

Giảm do phân loại lại sang công cụ

dùng cụ (*)

Tại ngày 31/12/2013

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 31/12/2013

Tại ngày 31/12/2012

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	363.828.228.890	90.257.899.164	62.108.594.193	6.230.392.931	2.328.045.106	524.753.160.284
Mua sắm mới	163.576.123	5.799.876.460	8.715.548.458	5.614.938.782	53.034.000	20.346.973.823
Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.536.820.752	957.711.894	8.436.000	846.326.425	-	6.349.295.071
Tăng do phân loại lại từ bất động sản đầu tư	9.535.241.132	-	-	-	-	9.535.241.132
Thanh lý	(883.974.030)	(714.063.566)	(4.966.283.199)	(447.453.184)	-	(7.011.773.979)
Giảm do phân loại lại sang công cụ dùng cụ (*)	(2.027.018.088)	(1.992.999.878)	(1.327.621.296)	(2.560.229.168)	(387.804.437)	(8.295.672.867)
Giảm khác	-	(27.000.000)	-	-	-	(27.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	375.152.874.779	94.281.424.074	64.538.674.156	9.683.975.786	1.993.274.669	545.650.223.464
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	140.616.334.856	58.696.788.261	37.249.876.954	3.488.868.918	1.766.105.450	241.817.924.439
Khấu hao trong năm	15.363.494.777	6.113.686.330	5.607.379.878	1.403.473.643	89.053.409	28.577.088.037
Tăng do phân loại lại từ bất động sản đầu tư	373.298.824	-	-	-	-	373.298.824
Thanh lý	(406.408.935)	(703.056.532)	(4.418.649.580)	(432.862.366)	-	(5.960.977.413)
Giảm do phân loại lại sang công cụ dùng cụ (*)	(929.838.904)	(1.311.228.444)	(289.867.564)	(1.295.101.223)	(145.367.647)	(3.971.403.782)
Tại ngày 31/12/2013	155.016.880.618	62.796.189.615	38.148.689.688	3.164.378.972	1.709.791.212	260.835.930.105
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2013	220.135.994.161	31.485.234.459	26.389.984.468	6.519.596.814	283.483.457	284.814.293.359
Tại ngày 31/12/2012	223.211.894.034	31.561.110.903	24.858.767.239	2.741.524.013	561.939.656	282.935.235.845

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)**

(*) Giá trị tài sản giảm do áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, các tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu VND được kết chuyển sang theo dõi như công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và phân bổ giá trị còn lại không quá 3 năm.

Theo Thuyết minh số 17 - "Vay ngắn hạn", tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang thế chấp hệ thống máy móc thiết bị và nhà xưởng của Tổng Công ty tại kho B Tổng kho xăng dầu Nhà Bè - huyện Nhà Bè - Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.801.203.776 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 48.446.165.72 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 41.847.666.972 VND).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	14.190.677.155	3.110.084.898	17.300.762.053
Mua sắm mới	-	4.833.450.000	4.833.450.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.298.642)	(26.298.642)
Phân loại sang chỉ phí trả trước	(17.660.620)	-	(17.660.620)
Tại ngày 31/12/2013	14.173.016.535	7.917.236.256	22.090.252.791
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	1.142.429.134	2.882.617.866	4.025.047.000
Trích khấu hao trong năm	127.891.010	1.358.765.039	1.486.656.049
Thanh lý, nhượng bán	-	(24.548.609)	(24.548.609)
Phân loại sang chỉ phí trả trước	(17.660.620)	-	(17.660.620)
Giảm do phân loại lại sang bất động sản đầu tư	(136.328.063)	-	(136.328.063)
Tại ngày 31/12/2013	1.116.331.461	4.216.834.296	5.333.165.757
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	13.056.685.074	3.700.401.960	16.757.087.034
Tại ngày 31/12/2012	13.048.248.021	227.467.032	13.275.715.053

(*) Trong đó, bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành quyết định.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công trình MR Đình Vũ, di dời thượng lý	8.823.926.266	-
Công trình kho gas Thọ Quang	45.085.018.335	19.063.315.615
Mua phần mềm kế toán	-	2.833.000.000
Các công trình khác	3.214.073.097	6.634.951.549
	57.123.017.698	28.531.267.164

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND	Giá trị xây lắp VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	6.957.405.470	11.621.000.927	18.578.406.397
Giảm do phân loại lại sang tài sản cố định	-	(9.535.241.132)	(9.535.241.132)
Tại ngày 31/12/2013	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	1.125.934.012	459.914.825	1.585.848.837
Trích khấu hao trong năm	126.261.957	43.453.332	169.715.289
Tăng từ phân loại lại tài sản cố định vô hình	-	136.328.063	136.328.063
Phân loại sang tài sản cố định hữu hình	-	(373.298.824)	(373.298.824)
Tại ngày 31/12/2013	1.252.195.969	266.397.396	1.518.593.365
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2013	5.705.209.501	1.819.362.399	7.524.571.900
Tại ngày 31/12/2012	5.831.471.458	11.161.086.102	16.992.557.560

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một Công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	TP. Hồ Chí Minh	51	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000.000	5.000.000.000
(Lỗ)/lợi nhuận trong công ty liên kết	(72.199.933)	(387.041.523)
	4.927.800.067	4.612.958.477

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	Hà Nội	50%	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tổng tài sản	9.855.600.134	9.225.916.957
Tổng công nợ	-	-
Tài sản thuần	9.855.600.134	9.225.916.957
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	4.927.800.067	4.612.958.477

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	2.610.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	151.126.257
	2.610.000.000	2.761.126.257
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(1.610.000.000)
Giá trị thuần khoản đầu tư	1.000.000.000	1.151.126.257

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tiền thuê đất	Vô bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	20.975.409.181	280.485.546.479	2.191.615.923	303.652.571.583
Tăng trong năm	1.878.921.155	30.796.048.039	13.793.987.686	46.468.956.880
Thanh lý trong năm		(76.304.448)	(4.561.408)	(80.865.856)
Phân bổ vào chi phí trong năm	(1.267.791.216)	(36.052.055.885)	(8.138.291.191)	(45.458.138.292)
Tại ngày 31/12/2013	21.586.539.120	275.153.234.185	7.842.751.010	304.582.524.315

Tiền thuê đất bao gồm giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho ga Đình Vũ, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

17. VAY NGÂN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	100.616.095.133	87.664.565.016
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	82.821.906.176	33.386.003.815
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	245.565.815.200	178.295.523.621
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	155.081.193.313	63.913.549.062
Ngân hàng TMCP cổ phần xăng dầu Petrolimex (v)	161.832.596.905	5.511.432.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (vi)	56.621.390.014	-
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (vii)	20.096.640.692	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (viii)	1.250.000.000	3.832.352.000
	823.885.637.433	372.603.425.514

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00122/2012/0000220 ngày 29 tháng 3 năm 2013. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/VIETINBANKDD-PGAS ký ngày 03 tháng 6 năm 2013. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Số Giao dịch theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng vay số 130407/HĐCTD.SGD.NHINT ngày 04 tháng 12 năm 2013 với hạn mức tín dụng là 450 tỷ đồng, mục đích sử dụng khoản tiền vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh miễn ký quỹ, phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ, chiết khấu có truy đòi, các hình thức tín dụng khác được ngân hàng cho phép. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- Hợp đồng số 130322/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 25 ngày 7 năm 2013, mục đích sử dụng khoản tiền vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh miễn ký quỹ, Phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ, chiết khấu có truy đòi, các hình thức tín dụng khác được ngân hàng cho phép. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ, khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 752.13.057.747309.HMTD ngày ký 05 tháng 8 năm 2013. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, mở thư tín dụng (L/C), phát hành bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh thanh toán thuế phục vụ kinh doanh khi hóa lỏng và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở L/C có liên quan. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

(v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 41/2010/HĐTD/NH-PN/PGB-HO ký ngày 28 tháng 12 năm 2012 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung của hợp đồng này. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng số 1700-LAV-2013 00540 ngày 24 tháng 5 năm 2013, mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(vii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng số VHN 130542 ngày 30 tháng 5 năm 2013, mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0271/KH/13NH ký ngày 31 tháng 10 năm 2013, mục đích sử dụng khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 0272/KH/13NH ký ngày 31 tháng 10 năm 2013, mục đích sử dụng khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng hóa xuất khẩu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên vay với bên thứ 3; lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ.

Hai khoản vay trên được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị tài sản là hệ thống máy móc thiết bị và nhà xưởng của công ty tại kho B Tổng kho xăng dầu Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.143.004.266	8.275.275.871
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.589.320.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.612.639.622	9.669.564.036
Thuế thu nhập cá nhân	2.519.537.081	259.295.747
	8.275.180.969	21.793.455.754

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	848.848.690	2.194.890.057
Cổ tức phải trả	10.322.558.000	265.728.000
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	4.822.716.212	4.400.000.000
Phải trả Cục thuế Đà Nẵng (**)	2.242.581.495	2.242.581.495
Phải trả, phải nộp khác	10.253.407.095	12.986.912.138
	28.490.111.492	22.090.111.690

(*) Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG đã ngừng hoạt động kinh doanh và chuyển một phần vốn về Tổng Công ty quản lý. Khoản này được trình bày như một khoản phải trả khác.

(**) Khoản phải trả Cục thuế Đà Nẵng về tiền thuế đất, thuế mặt nước Kho gas Thọ Quang.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương (*)	16.589.238.783	11.299.999.000
Dự phòng bảo hành sản phẩm	-	612.206.298
	16.589.238.783	11.912.205.298

(*) Dự phòng phải trả ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện khoản dự phòng tiền lương đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 mà chưa chi theo quy định tại Thông tư số 123/TT-BTC ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vô bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vô bình gas nhận được trong năm như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	158.412.266.413	152.584.531.374
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	22.974.425.390	23.958.955.583
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(20.970.428.897)	(18.131.220.544)
Số dư cuối năm	160.416.262.906	158.412.266.413

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vô bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vô bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vô bình xuất dùng.

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MÀU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	425.786	105.650.833.010	12.900.069.411	20.329.328.721	559.478.716.928
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	76.071.929.419	76.071.929.419
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	445.207.862	1.019.709.825	(9.304.337.338)	(7.839.419.651)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.666.007.600)	(20.666.007.600)
Tặng/(Giảm) khác	-	-	-	(425.786)	-	-	-	(425.786)
Tại ngày 01/01/2013	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	-	106.096.040.872	13.919.779.236	66.430.913.202	607.044.793.310
Tăng vốn điều lệ (*)	158.408.040.000	(68.878.220.000)	-	-	(55.102.580.000)	-	(34.427.240.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	77.802.525.132	77.802.525.132
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	-	10.098.239.961	912.395.141	(21.649.425.382)	(10.638.790.280)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(10.056.830.000)	(10.056.830.000)
Tại ngày 31/12/2013	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	-	61.091.700.833	14.832.174.377	78.099.942.952	664.151.698.162

(*) Tổng Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012. Theo đó, Tổng Công ty phát hành 15.840.804 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 344.466.990.000 đồng lên 502.875.030.000 đồng. Trong đó: 6.887.822 cổ phiếu thường được phát hành từ nguồn thặng dư vốn cổ phần với tỷ lệ 20%; 5.510.258 cổ phiếu thường được phát hành từ quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 16% và 3.442.724 cổ phiếu được phát hành từ khoản tạm ứng cổ tức đợt 1/2012 với tỷ lệ 10%. Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 3 năm 2013 với số vốn điều lệ là 502.875.030.000 đồng.

b. Chi tiết vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

	Tỷ lệ %	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,37%	263.369.160.000	180.373.765.800
Vốn góp của các cổ đông khác	47,63%	239.505.870.000	164.093.224.200
100,00%		502.875.030.000	344.466.990.000

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****d. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 17 tháng 4 năm 2013, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 là 12% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2012 phải trả là 44.484.070.000 đồng. Trong đó, trả cổ tức bằng cổ phiếu là 34.427.240.000 đồng và cổ tức dự định được chi trả bằng tiền mặt là 10.056.830.000 đồng, số cổ tức chưa trả của năm 2012 hiện đang được theo dõi trên khoản mục "Các khoản phải trả khác, phải nộp khác ngắn hạn".

e. Cổ phiếu

	<u>31/12/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.287.503	34.446.699
+ Cổ phiếu phổ thông	50.287.503	34.446.699
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	3.353	3.353
+ Cổ phiếu phổ thông	3.353	3.353
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.284.150	34.443.346
+ Cổ phiếu phổ thông	50.284.150	34.443.346
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	3.095.281.876.400	3.227.095.109.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.686.833.345	19.742.912.152
Doanh thu ký cược, ký quỹ vô hình gas	20.970.428.897	18.131.220.544
	<u>3.125.939.138.642</u>	<u>3.264.969.242.428</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	2.687.015.740.165	2.760.145.536.363
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.748.554.964	17.793.584.737
	<u>2.693.764.295.129</u>	<u>2.777.939.121.100</u>

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.935.554.803	82.319.990.031
Chi phí tiền lương, tiền công	138.145.801.519	139.158.978.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.233.459.375	30.427.355.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.734.133.816	100.867.142.794
Chi phí khác	144.455.513.541	132.186.715.049
	<u>489.504.463.054</u>	<u>484.960.181.798</u>

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.214.548.990	11.185.644.278
Cổ tức, lợi nhuận được chia	269.683.200	1.352.022.800
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	927.652.959
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.504.396.338	302.363.297
Lãi bán hàng trả chậm	490.100.387	626.781.865
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	580.918.141
	39.478.728.915	14.975.383.340

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	31.699.491.470	17.822.391.144
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	197.168.915	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.332.805.010	-
(Hoán nhập)/Trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	(8.087.639.733)	(712.339.548)
Chuyển nhượng chứng khoán	1.646.820.733	-
	28.788.646.395	17.110.051.596

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu lãi phạt chậm thanh toán	343.056.659	1.483.424.859
Thanh lý tài sản cố định	1.847.111.576	1.827.881.499
Hàng hóa thừa khi kiểm kê	4.105.238.944	1.886.254.765
Thu nhập khác	2.527.460.931	3.599.747.591
	8.822.868.110	8.797.308.714

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	1.050.796.566	1.192.569.294
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	650.558.528	1.095.199.961
Khác	1.851.542.053	1.365.013.755
	3.552.897.147	3.652.783.010

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	106.803.133.608	99.982.390.236
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (*)	27.625.983.740	22.455.265.693
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	41.149.474	(845.626.507)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty con và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tại Công ty mẹ - Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2013	Năm 2012 (*)
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	77.802.525.132	76.071.929.419
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.284.150	50.284.150
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.547	1.513

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 24 tháng 4 năm 2012, trong năm 2013, Tổng Công ty đã phát hành 15.840.804 cổ phần dưới hình thức phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tỷ lệ 36%) và ứng cổ tức bằng cổ phiếu đợt 1/2012 (tỷ lệ 10%) để tăng vốn điều lệ từ 344.466.990.000 đồng lên 502.875.030.000 đồng. Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 3 năm 2013 với số vốn điều lệ là 502.875.030.000 đồng. Theo đó, Tổng Công ty điều chỉnh hồi tố Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo số lượng cổ phiếu mới.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

(Xem chi tiết phụ lục "Bảng tổng hợp giao dịch và số dư với các bên liên quan") từ trang 33 đến trang 40.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Các khoản vay	823.885.637.433	372.603.425.514
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	362.841.305.783	100.582.502.701
Nợ thuần	461.044.331.650	272.020.922.813
Vốn chủ sở hữu	664.151.698.162	607.044.793.310
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,69	0,45

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	362.841.305.783	100.582.502.701
Dầu tư ngắn hạn	519.561.430.200	233.501.421.200
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	265.079.738.674	287.810.815.220
Các khoản phải thu khác	14.574.559.688	21.382.184.582
Tổng cộng	1.162.057.034.345	643.276.923.703
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	823.885.637.433	372.603.425.514
Phải trả người bán	284.329.188.414	253.649.666.054
Chi phí phải trả	4.071.359.895	6.757.116.565
Phải trả khác	27.641.262.802	19.895.221.633
Tổng cộng	1.139.927.448.544	652.905.429.766

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	11.676.030	32.377.697	432.652.671.245	351.102.068.572
Euro (EUR)	6.460.035	6.419.309	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(43.264.099.521)	(35.106.969.088)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty chưa có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Tổng Công ty đã đánh giá thận trọng và trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 16.741.858.582 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2012 là: 16.908.533.745 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	362.841.305.783	-	362.841.305.783
Dầu tư ngắn hạn	519.561.430.200	-	519.561.430.200
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	265.079.738.674	-	265.079.738.674
Các khoản phải thu khác	14.574.559.688	-	14.574.559.688
Tổng cộng	1.162.057.034.345	-	1.162.057.034.345
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	823.885.637.433	-	823.885.637.433
Phải trả người bán	284.329.188.414	-	284.329.188.414
Chi phí phải trả	4.071.359.895	-	4.071.359.895
Phải trả ngắn hạn khác	27.641.262.802	-	27.641.262.802
Tổng cộng	1.139.927.448.544	-	1.139.927.448.544
Chênh lệch thanh khoản thuần	22.129.585.801	-	22.129.585.801

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.582.502.701	-	100.582.502.701
Đầu tư ngắn hạn	233.501.421.200	-	233.501.421.200
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	287.810.815.220	-	287.810.815.220
Các khoản phải thu khác	21.382.184.582	-	21.382.184.582
Tổng cộng	643.276.923.703	-	643.276.923.703
31/12/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	372.603.425.514	-	372.603.425.514
Phải trả người bán	253.649.666.054	-	253.649.666.054
Chi phí phải trả	6.757.116.565	-	6.757.116.565
Phải trả ngắn hạn khác	19.895.221.633	-	19.895.221.633
Tổng cộng	652.905.429.766	-	652.905.429.766
Chênh lệch thanh khoản thuần	(9.628.506.063)	-	(9.628.506.063)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty ngày 17 tháng 02 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt thanh toán cổ tức còn lại của năm 2012 bằng 2% vốn điều lệ và ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng 12% vốn điều lệ.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.


Phạm Văn Học
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sáng, dầu nhớt, gas, bếp, phụ kiện)		
			Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
1	11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	1.684.086.307	1.402.612.710	281.473.597
2	11001400	Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu	8.846.400	7.367.837	1.478.563
3	11001600	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	12.414.825.342	10.339.845.256	2.074.980.086
4	11001700	Tổng kho Xăng dầu Đức Giang	8.598.960	7.161.753	1.437.207
5	11002000	Công ty Xăng dầu Khu vực II	4.052.691.954	3.444.455.445	608.236.509
6	11003000	Công ty Xăng dầu Khu vực 3	13.434.212.320	11.188.854.672	2.245.357.648
7	11004000	Công ty Xăng dầu Khu vực 5	3.168.760.200	2.676.074.905	492.685.295
8	11004200	Chi nhánh Xăng dầu Quảng Ngãi	37.740.007.900	32.336.031.325	5.403.976.575
9	11005200	Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	6.226.879.388	5.186.135.731	1.040.743.657
10	11005300	Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên	2.223.741.180	1.852.071.137	371.670.043
11	11005500	Xí nghiệp Xăng dầu K131	2.366.105.600	1.970.641.156	395.464.444
12	11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	5.394.288.251	4.492.701.608	901.586.643
13	11006200	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	27.034.276.448	22.515.841.132	4.518.435.316
14	11007000	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	13.264.865.418	11.047.811.950	2.217.053.468
15	11007200	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Kạn	7.651.034.496	6.372.261.434	1.278.773.062
16	11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ	23.794.432.914	19.817.496.220	3.976.936.694
17	11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	977.527.556	814.146.263	163.381.293
18	11009200	Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam	581.188.920	484.050.587	97.138.333
19	11009300	Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình	1.323.522.060	1.102.512.189	221.009.871
20	11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	10.014.241.620	8.340.488.557	1.673.753.063
21	11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh	29.763.167.280	24.788.632.585	4.974.534.695
22	11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	6.587.069.400	5.944.108.009	642.961.391
23	11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	10.613.730.600	8.839.780.583	1.773.950.017
24	11013200	Chi nhánh Xăng Dầu Phú Yên - Công ty XD Phú Khánh	2.603.580.600	2.555.117.744	48.462.856
25	11013300	Chi nhánh Xăng Dầu Ninh Thuận - Công ty XD Phú Khánh	2.879.366.600	2.837.612.566	41.754.034
26	11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ	4.744.544	3.951.554	792.990
27	11014300	Công ty TNHH ITV Xăng Dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Xăng Dầu Bạc Liêu	3.050.567.614	2.583.711.656	466.855.958
28	11014400	Chi nhánh Xăng Dầu Hậu Giang	2.882.676	2.400.873	481.803
29	11015000	Công ty Xăng dầu Hải Sơn Bình	4.938.360	4.112.976	825.384
30	11015300	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình	1.768.325.794	1.472.772.638	295.553.156
31	11015400	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	16.099.809.643	13.408.931.320	2.690.878.323
32	11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	9.700.798.400	8.500.740.238	1.200.058.162
33	11017200	Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum	8.337.709.200	7.265.956.553	1.071.752.647
34	11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	49.105.172.900	42.859.083.605	6.246.089.295
35	11020000	Công ty Cổ phần vận tải Xăng dầu Vitaco	9.404.928	7.833.014	1.571.914
36	11022000	Công ty thiết bị Xăng dầu Petrolimex	11.040.984	9.195.624	1.845.360
37	11022200	Công ty Thiết bị XD- Xí nghiệp cơ khí & Điện Tử Xăng dầu	1.499.976	1.249.274	250.702
38	11023000	Công ty CP Tư vấn công nghệ - Xây dựng Petrolimex	17.369.920	14.466.759	2.903.161
39	11024000	Công ty Cổ phần hoá dầu Petrolimex	1.101.480	917.382	184.098
40	11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	4.681.083.365	4.195.347.580	485.735.785
41	11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	11.673.017.264	9.722.020.959	1.950.996.305
42	11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	2.943.525.660	2.451.552.800	491.972.860
43	11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	22.281.457.076	18.557.395.042	3.724.062.034
44	11029000	Công ty Xăng dầu Đắk Lắk	10.264.867.744	8.549.225.714	1.715.642.030
45	11029200	Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	2.384.414.730	2.096.777.180	287.637.550
46	11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	27.817.800.436	23.841.949.205	3.975.851.231
47	11031000	Công ty Xăng dầu Long An	10.281.589.937	9.115.701.365	1.165.888.572
48	11032000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	2.143.575.689	1.871.250.030	272.325.659
49	11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	1.751.942.765	1.459.127.824	292.814.941
50	11034000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	3.525.660.826	2.936.391.481	589.269.345

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BÁO CÁO TIÊU THỤ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

STT	Mã đơn vị	Chi tiêu/Đơn vị mua	Sản phẩm hàng hóa (Dầu sừng, dầu nhờn, gas, hộp, phụ kiện)		
			Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
51	11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	9.024.166.200	7.515.891.646	1.508.274.554
52	11036000	Công ty Xăng dầu Sông Bé	2.229.740.730	1.986.960.125	242.780.605
53	11036200	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông bé - Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	1.316.981.488	1.203.625.040	113.356.448
54	11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	16.737.019.466	13.939.639.629	2.797.379.837
55	11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	12.693.997.239	10.572.357.123	2.121.640.116
56	11042000	Công ty Xăng dầu Quảng bình	26.212.357.400	24.251.270.346	1.961.087.054
57	11043000	Công ty Xăng dầu Bến tre	7.344.311.136	6.358.626.720	985.684.416
58	11044000	Công ty Xăng dầu Quảng trị	24.677.400.200	22.035.278.100	2.642.122.100
59	11045000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	8.525.846.712	7.100.859.920	1.424.986.792
60	11045200	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	8.224.190.260	6.849.621.505	1.374.568.755
61	11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	25.531.070.239	21.263.876.714	4.267.193.525
62	11048000	Công ty Xăng dầu An giang	829.544.778	690.896.924	138.647.854
63	11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	1.626.730.726	1.387.428.540	239.302.186
64	11053000	Công ty CP Xây Lắp I - Petrolimex	270.568.992	225.346.828	45.222.164
65	11053700	Công ty TNHH bê tông & xây lắp Petrolimex	6.450.480	5.372.364	1.078.116
66	11054000	Công ty CP Xây lắp III Petrolimex	412.993.632	343.967.001	69.026.631
67	11056400	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Ninh	6.423.168	5.549.617	1.073.551
68	11057000	Công ty CP XNK Petrolimex	771.385.551	642.458.271	128.927.280
69	11058000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	11.959.442.400	10.537.272.374	1.422.170.026
70	11063000	Chi nhánh Xăng dầu Hà Tĩnh	19.157.035.790	15.955.181.018	3.201.854.772
71	11070000	Công ty CP vận tải Xăng dầu đường thủy Petrolimex	733.378.713	610.803.793	122.574.920
72	11073000	Công ty CP Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	326.656.200	272.059.773	54.596.427
73	11074000	Công ty CP vận tải và Dvụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	9.774.103.147	8.140.486.175	1.633.616.972
74	11075000	Công ty CP Vận tải & Dịch vụ Petrolimex Sài gòn (PTS)	472.232.820	393.305.113	78.927.707
75	11076000	Công ty CP Vận tải & Dịch vụ petrolimex Hà Tây	11.592.865	9.655.265	1.937.600
76	11077000	Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	930.490.670	774.970.994	155.519.676
77	11078000	Chi nhánh công ty cổ phần TMVT petrolimex Đà Nẵng tại Thừa Thiên Huế	393.648	327.855	65.793
		Tổng cộng	603.481.854.275	514.368.564.771	89.113.289.504

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chi tiêu, đơn vị	Phải thu khách hàng	Phải thu khác
Phần 1: Phải thu ngắn hạn			
11001000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Khu vực I	259.452.958	5.520.581.696
11001400	Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu	1.000.000	
11001600	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	1.071.266.816	
11001700	Tổng Kho Xăng Dầu Đức Giang	1.480.000	
11002000	Công ty Xăng dầu KV 2	599.741.798	
11003000	Công ty TNHH-MTV Xăng dầu KV III	(1.006.429.531)	
11004000	Công ty Xăng dầu KV 5	220.244.448	14.700.000.000
11004200	Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam	1.485.886.499	
11005000	Công ty Xăng dầu B12	458.307.625	
11005200	Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	97.502.055	
11005500	Xí nghiệp Xăng dầu K131	360.805.570	
11005600	Xí nghiệp kho vận Xăng dầu k130	6.920.000	
11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	1.180.898.283	
11006200	Chi nhánh Xăng dầu Lạng Sơn	3.182.148.646	
11007000	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	1.429.484.252	
11007200	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Kạn	253.532.924	
11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ (Công ty bề tổng)	2.207.370.059	
11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh	255.805.778	
11009200	Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam	93.590.000	
11009300	Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình	128.130.574	
11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa	482.666.579	
11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh	79.377.661	
11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định	111.786.240	
11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh	536.580.984	
11013200	Chi nhánh Xăng Dầu Phú Yên - Công ty XD Phú Khánh	165.500.620	
11013300	Chi nhánh Xăng Dầu Ninh Thuận - Công ty XD Phú Khánh	200.776.400	
11014300	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Xăng Dầu Bạc Liêu	398.874.703	
11015000	Công ty Xăng dầu Hà Sơn Bình	750.000	
11015300	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa bình	116.813.681	
11015400	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La	1.647.152.630	
11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	1.166.905.493	
11017200	Chi nhánh Xăng dầu Kon tum	556.498.800	
11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế	2.144.807.310	
11022000	Công ty thiết bị Xăng dầu Petrolimex	250.000	
11023000	Công ty CP Tư vấn công nghệ - Xây dựng Petrolimex	740.000	
11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp	1.204.908.054	
11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc	775.428.145	
11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái	342.392.948	
11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình	215.228.251	
11029000	Công ty Xăng dầu Đắk Lắk	2.178.119.258	
11029200	Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông	(14.780.000)	
11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng	3.563.734.695	
11031000	Công ty Xăng dầu Long An	1.348.413.771	

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI THU NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)**

Kỳ báo cáo: năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải thu khách hàng	Phải thu khác
11032000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long	348.740.272	
11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh	168.420.000	
11034000	Công ty Xăng dầu Cà Mau	634.970.000	
11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng	723.385.362	
11036000	Công ty Xăng dầu Sông Bé	418.472.980	
11036200	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông bé - Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước	219.520.242	
11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	2.234.136.768	
11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	2.301.543.567	
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	1.367.954.921	
11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	1.610.041.813	
11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	916.194.677	
11045200	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	1.002.243.426	
11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	1.038.782.625	
11048000	Công ty Xăng dầu An giang	345.680.409	
11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	309.788.241	
11053000	Công ty CP Xây Lắp I - Petrolimex	98.569.550	
11054000	Công ty CP Xây lắp III Petrolimex	41.579.522	
11058000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	571.265.937	
11063000	Chi nhánh Xăng dầu Hà Tĩnh	1.199.907.015	
11072200	Chi nhánh Công ty CP TM & Vận tải Petrolimex HN tại BN	11.720.000	
11073000	Công ty CP Thương mại Vận tải Petrolimex Đà Nẵng	105.600	
11074000	Công ty CP vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	313.461.697	
11075000	Công ty CP Vận tải & Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn (PTS)	119.760.812	
11076000	Công ty CP vận tải và dịch vụ petrolimex Hà Tây	1.510.011	
11077000	Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	224.121.657	

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Báo cáo tài chính hợp nhất

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải trả người bán	Nhận ký quỹ ký cược
A	B	1	5
	Phần 1: Phải trả ngắn hạn	-	
11038000	Công ty Bảo Hiểm Cổ phần PJCO	38.606.769	-
11049000	Công ty CP tin học viễn thông Petrolimex	309.491.340	-
11057200	Công ty TNHH Một Thành Viên Sơn Petrolimex	160.053.850	-
		-	
	Phần 2: Phải trả dài hạn	-	
11001000	Công ty Xăng dầu Khu vực I	-	417.820.000
11001400	Xí nghiệp bán lẻ Xăng dầu	-	240.030.000
11001600	Chi nhánh Xăng dầu Vĩnh Phúc	-	549.400.000
11002000	Công ty Xăng dầu Khu vực II	-	1.756.800.000
11003000	Công ty TNHH-MTV Xăng dầu KV III	-	5.807.481.166
11004000	Công ty Xăng dầu khu vực IV	-	5.160.470.000
11004200	Chi nhánh Xăng dầu Quảng Nam	-	6.928.070.000
11005000	Công ty Xăng dầu B12	-	1.630.320.000
11005200	Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương	-	759.030.000
11005300	Chi nhánh Xăng dầu Hưng Yên	-	735.630.000
11005500	Xí nghiệp Xăng dầu K131	-	135.660.000
11006000	Công ty Xăng dầu Hà Bắc	-	1.900.830.000
11006200	Chi Nhánh Xăng dầu Lạng sơn	-	6.102.470.000

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN (Tiếp theo)**

Kỳ báo cáo: năm 2013

Đơn vị tính: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Phải trả người bán	Nhận ký quỹ ký cược
11007000	Công ty TNHH Xăng dầu Bắc Thái	-	4.820.610.000
11007200	Chi nhánh Xăng dầu Bắc Kạn		1.380.360.000
11008000	Công ty Xăng dầu Phú Thọ (Công ty hệ tổng)		3.006.950.000
11009000	Công ty Xăng dầu Hà Nam Ninh		2.407.350.000
11009200	Chi nhánh Xăng dầu Hà Nam		1.165.680.000
11009300	Chi nhánh Xăng dầu Ninh Bình		2.156.190.000
11010000	Công ty Xăng dầu Thanh Hóa		3.883.960.000
11011000	Công ty Xăng dầu Nghệ Tĩnh		3.339.490.000
11012000	Công ty Xăng dầu Bình Định		2.541.930.000
11013000	Công ty Xăng dầu Phú Khánh		835.953.184
11013200	Công ty Xăng dầu Phú Khánh - Chi nhánh Xăng dầu Phú Yên		923.170.000
11013300	Công ty Xăng dầu Phú Khánh - Chi nhánh Xăng Dầu Ninh Thuận		627.300.000
11014000	Công ty Xăng dầu Tây Nam Bộ		1.801.580.000
11014300	Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Tây Nam Bộ - Chi nhánh Xăng Dầu Bạc Liêu		224.020.000
11015300	Chi nhánh Xăng Dầu Hòa Bình		311.700.000
11015400	Chi nhánh Xăng dầu Sơn La		2.993.270.000
11017000	Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên		2.551.110.000
11017200	Chi nhánh Xăng dầu Kon Tum		2.307.860.000
11018000	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế		9.521.150.000
11021000	Công ty CP cơ khí Xăng dầu		484.700.000
11025000	Công ty Xăng dầu Đồng Tháp		2.127.220.000
11026000	Công ty Xăng dầu Tây Bắc		1.368.270.000
11027000	Công ty Xăng dầu Yên Bái		1.113.130.000
11028000	Công ty Xăng dầu Thái Bình		1.701.090.000
11029000	Công ty Xăng dầu Đắk Lắk		2.448.750.000
11029200	Chi nhánh Xăng dầu Đắk Nông		(14.780.000)
11030000	Công ty Xăng dầu Lâm Đồng		5.847.953.592
11031000	Công ty Xăng dầu Long An		878.780.000
11032000	Công ty Xăng dầu Vĩnh Long		1.077.099.238
11033000	Công ty Xăng dầu Trà Vinh		510.830.000
11034000	Công ty Xăng dầu Cà Mau		2.767.840.000
11035000	Công ty Xăng dầu Cao Bằng		3.297.180.000
11036000	Công ty Xăng dầu Sông Bé		428.830.000
11036200	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Sông bé - Chi nhánh Xăng dầu Bình Phước		408.260.000
11040000	Công ty Xăng dầu Tuyên Quang	-	3.944.960.000
11041000	Công ty Xăng dầu Tiền Giang	-	722.750.000
11042000	Công ty Xăng dầu Quảng Bình	-	448.070.000
11043000	Công ty Xăng dầu Bến Tre	-	1.290.720.000
11044000	Công ty Xăng dầu Quảng Trị	-	6.608.580.000
11045000	Công ty Xăng dầu Lào Cai	-	1.746.810.000
11045200	Chi nhánh Xăng dầu Lai Châu	-	2.224.330.000
11046000	Công ty Xăng dầu Hà Giang	-	5.174.040.000
11048000	Công ty Xăng dầu An Giang	-	2.521.020.000
11052000	Công ty Xăng dầu Đồng Nai	-	513.280.000
11053000	Công ty CP Xây Lắp I - Petrolimex	-	39.460.000
11054000	Công ty CP Xây lắp III - Petrolimex	-	38.240.000
11058000	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Quảng Ngãi	-	4.278.540.000
11063000	Chi nhánh Xăng dầu Hà Tĩnh	-	4.955.610.000
11072000	Công ty CP Thương mại & Vận tải Petrolimex Hà Nội	-	38.800.000
11074000	Công ty CP vận tải và Dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	-	140.550.000
	Tổng cộng		138.054.557.180

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**BÁO CÁO CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN**

Kỳ báo cáo: năm 2013

Đơn vị: VND

Mã đơn vị	Tên chỉ tiêu, đơn vị	Gốc vay			Phân loại thời hạn trả nợ
		01/01/2013	Nhận tiền vay	Trả nợ gốc	
1	Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	5.511.432.000	262.943.010.620	106.621.845.715	Trong vòng 1 năm
				161.832.596.905	161.832.596.905

Phạm Văn Học
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc